



gā lí
咖喱

noun · curry

Example Sentences

Wǒ xǐ huān chī gā lí fàn
我 喜 欢 吃 咖 喱 饭。

I like eating curry rice.

Zhè jiā diàn de gā lí wèi dào hěn tè bié
这 家 店 的 咖 喱 味 道 很 特 别。

The curry at this restaurant has a very special flavor.

Trace each character, then write the word on your own.

咖	咖	咖	咖	咖	咖	咖	咖	咖	咖	咖
喱	喱	喱	喱	喱	喱	喱	喱	喱	喱	喱
喱	喱	喱	喱							